

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 17 /2023 /HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Chuân và ông Lê Duy Bình;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2023 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023 /QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Âu Thị T, sinh năm: 1994.

ĐKKHKT: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Thôn E, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đồng Xuân Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ : Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

- Những người làm chứng:

1, Chị Lương Thị Kiều V, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn E, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.

2, Ông Lữ Văn T. Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Âu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đồng Xuân Q tự nguyện chung sống với nhau từ 2016. Đến ngày 11/11/2016, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai. Đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, bất đồng về tính cách, anh Q không chịu cùng chị chăm lo, gánh vác kinh tế gia đình, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Đến cuối năm 2018, chị đưa con gái về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn E, xã V sinh sống và anh chị sống ly thân với từ đó đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Năm 2020 chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên chị đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Tuy nhiên do anh Q tại thời điểm đó không có mặt tại địa phương, nên chị đã xin rút đơn khởi kiện. Đến nay chị lại tiếp tục khởi kiện xin được giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh Đồng Xuân Q.

Về con chung: Chị Ấu Thị T xác định vợ chồng không ai có con riêng, anh chị có 01 con chung là cháu Đồng Thị Bảo N, sinh ngày 10/9/2017. Hiện cháu N đang sống cùng chị ở thôn E, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngọc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Ấu Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị Ấu Thị T xác định vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đồng Xuân Q: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Q vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đồng Xuân Q, nhưng anh Q đều trốn tránh không có mặt tại nơi ở, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản liên quan đến vụ án, anh Q không có ý kiến, quan điểm gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bản thân anh Q không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Ủy ban nhân dân xã V và những người làm chứng xác định: Về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của chị Ấu Thị T là đúng.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ấu Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn chị Ấu Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Đồng Xuân Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án. Giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Âu Thị T được ly hôn với anh Đồng Xuân Q.

- Về con: Giao cháu Đồng Thị Bảo N, sinh ngày 10/9/2017 cho Chị Âu Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Đồng Xuân Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Âu Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Đồng Xuân Q, sinh năm 1987. ĐKKHKT: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Đồng Xuân Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Âu Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Âu Thị T và anh Đồng Xuân Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016. Đến ngày ngày 11/11/2016, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai vào. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, bất đồng về tính cách, anh Q không chịu cùng chị chăm lo, gánh vác kinh tế gia đình, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Đến cuối năm 2018, chị T cùng con gái về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân với từ đó

đến nay. Năm 2020 chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên chị đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Tuy nhiên do anh Quang tại thời điểm đó không có mặt tại địa phương, nên chị đã xin rút đơn khởi kiện. Đến nay chị lại tiếp tục khởi kiện xin được giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh Đồng Xuân Q.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và những người làm chứng đều xác nhận hai vợ chồng chị T và anh Q đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn, hòa giải nhưng vợ chồng anh chị không đoàn tụ với nhau.

Như vậy đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Áu Thị T đối với anh Đồng Xuân Q là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Đồng Thị Bảo N - sinh ngày 10/9/2017. Cháu N phát triển khỏe mạnh, không bị dị tật gì. Từ khi hai vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu N sinh sống cùng mẹ. Chị Áu Thị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T làm nghề trồng trọt, chăn nuôi, thu nhập từ 04 đến 05 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con. Đối với anh Đồng Xuân Q không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định cho cuộc sống và sự phát triển của cháu, nên cần giao cháu N cho chị Áu Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Áu Thị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Áu Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Áu Thị T được ly hôn với anh Đồng Xuân Q;

- Về con chung: Giao cháu Đồng Thị Bảo N, sinh ngày 10/9/2017 cho chị Áu Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Đồng Xuân Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Âu Thị T phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004400 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Âu Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đồng Xuân Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã V (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa